

2211

6

5

4

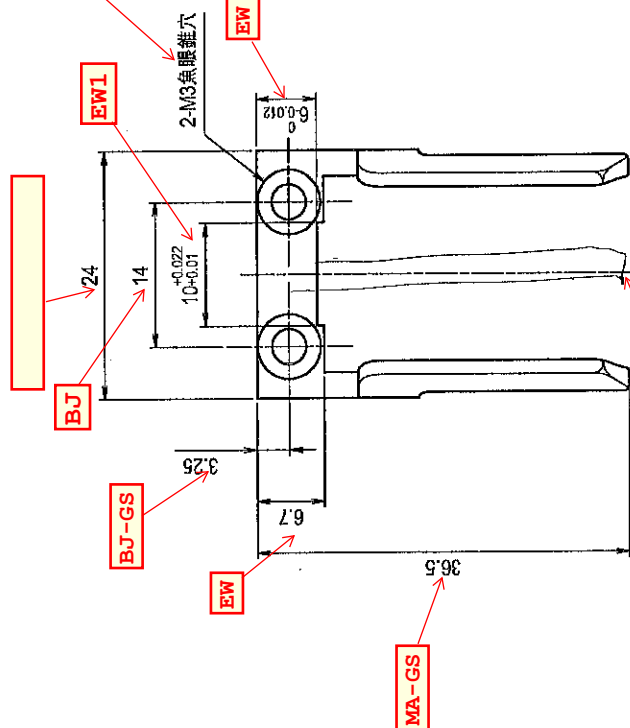
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2013/09/28			Hsu Chen Feng	Hsu Chen Feng	0.5 ≤ ϕ ≤ 6
A	2013/03/30	公差變更	DT-0948	WANG.C.Y.	阮國成	6 < ϕ ≤ 30
						30 < ϕ ≤ 120
						120 < ϕ ≤ 315
						315 < ϕ ≤ 500

A

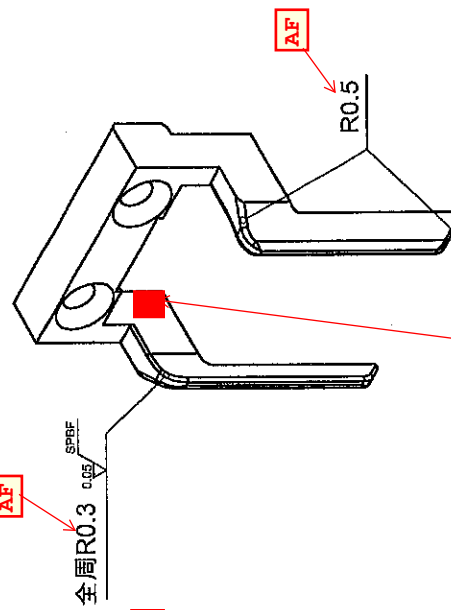
B

C

D

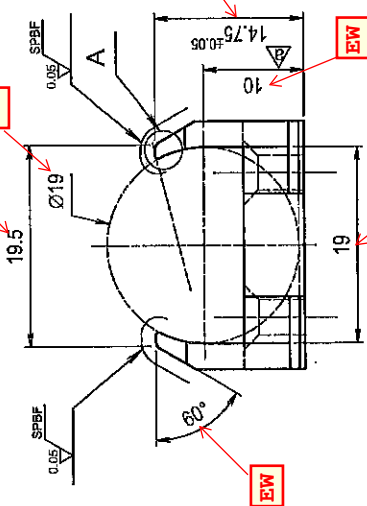


AA2 cắt rãnh chống bung



EN gia công phần thừa EW ko cắt được

T16 x 34 x 46



註記: 1. $\sqrt{1.6}$ 仕上げ部は、機械加工時 $\sqrt{1.6}$ 仕上げ事。

DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Wen_Hsien_Jui	Hsu Chen Feng	部品図	ガイド盤
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	GUIDE BASE
HRC 55 ± 60°		部品図	導引板
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD11	2013/09/28	2:1	S918863

MAUCHI MOTOR CO., LTD.

4

3

2

1

SNO: **S918863**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T16*30*41	